

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phân bổ hạt giống do Trung ương hỗ trợ
từ nguồn dự trữ quốc gia năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2144/QĐ-TTg ngày 18/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp hạt giống cây trồng từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ các tỉnh: Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh và Thanh Hóa bị thiệt hại do thiên tai năm 2020;

Căn cứ Công văn số 8987/BNN-KH ngày 18/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Công văn số 1545/TT-CLT ngày 18/12/2020 của Cục Trồng trọt về việc xuất dự trữ quốc gia hạt giống cây trồng hỗ trợ các địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 242/TTr-SNN&PTNT ngày 23/12/2020 về việc đề nghị phê duyệt phân bổ và giao nhiệm vụ tiếp nhận, cấp phát hạt giống do Trung ương hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia cho các địa phương năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ hạt giống do Trung ương hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (*chi tiết có các Phụ biểu kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao và ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu mối, tiếp nhận và bảo quản hạt giống cây trồng do Trung ương hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia năm 2020; tổ chức cấp phát, chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng hạt giống cây trồng được hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, số lượng, chủng loại. Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản, cấp phát và hướng dẫn các hộ dân sử dụng hạt giống cây trồng để gieo

trồng, đảm bảo kịp thời vụ, đủ số lượng theo quy định; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra chất lượng các lô hạt giống được cấp phát hỗ trợ của Trung ương từ các đơn vị cung cấp hàng dự trữ; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở nông nghiệp và PTNT) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN. (653.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ biểu 1:

PHÂN BỐ HẠT GIỐNG LÚA, NGÔ HỖ TRỢ THIẾT HẠY DO THIÊN TÀI NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: tấn.

Số TT	Đơn vị	Chủng loại và số lượng giống lúa do các Công ty cấp					Chủng loại và số lượng giống ngô do các Công ty cấp							
		Công ty CP tập đoàn giống cây trồng Việt Nam				Tổng cộng (tấn)	Công ty CP tập đoàn giống cây trồng Việt Nam				Công ty CP GCT Miền Nam	Công ty CP Giống cây trồng-Vật nuôi Thừa Thiên Huế		Tổng cộng
		Giống lúa Khang dân ĐB (NC)	Giống lúa Thiên ưu 8 (XN1)	Giống lúa Kim cương 111 (XN1)	Giống lúa BT 7 (NC)		Giống ngô HN 68 (F1)	Giống ngô HN 88 (F1)	Giống ngô LVN 4 (F1)	Giống ngô SSC 2095 (F1)	Giống ngô MX10 (F1)	Giống ngô CP 111 (F1)	Giống ngô CP 333 (F1)	
	TỔNG SỐ	60	70	20	50	200	50	10	20	30	35	37	18	200
1	Thành phố Thanh Hóa					0	2				2			4
2	Thành phố Sầm Sơn		3	2		5	1				2			3
3	Thị xã Bim Sơn		3	2		5	1				2			3
4	Huyện Thọ Xuân	2	4	4	4	14	2	1			4	3		10
5	Huyện Đông Sơn		4			4	2							2
6	Huyện Nông Cống	5	4			9	2				4	2		8
7	Huyện Triệu Sơn	4	3	4	3	14	2	0,5			3	2		7,5
8	Huyện Quảng Xương	5	3		1	9	2	1	2			2		7
9	Huyện Hà Trung	5	4			9	2	0,5	3			2		7,5
10	Huyện Nga Sơn	4	4			8	2				2	2		6
11	Huyện Yên Định		2		7	9	2		3			3		8
12	Huyện Thiệu Hóa		4		5	9	2		2		2	2		8
13	Huyện Hoằng Hóa		4		5	9	2		2		2	2		8
14	Huyện Hậu Lộc		5		4	9	2	0,5	2		3	2		9,5
15	Thị xã Nghi Sơn					0	2				4			6
16	Huyện Vĩnh Lộc	5	4		3	12	2	0,5			2	2		6,5
17	Huyện Thạch Thành	5	4			9	2		3		3	2		10
18	Huyện Cẩm Thủy		4		3	7	2	1				5		8
19	Huyện Ngọc Lặc					0	2	1		4		4		11
20	Huyện Lang Chánh	4	2			6	2			3		2		7
21	Huyện Như Xuân	4		2	3	9	2	1		3			2	8
22	Huyện Như Thanh	4		2	3	9	2	1		3			2	8
23	Huyện Thường Xuân		7			7	2	1		4			2	9

Số TT	Đơn vị	Chủng loại và số lượng giống lúa do các Công ty cấp					Chủng loại và số lượng giống ngô do các Công ty cấp							
		Công ty CP tập đoàn giống cây trồng Việt Nam				Tổng cộng (tấn)	Công ty CP tập đoàn giống cây trồng Việt Nam				Công ty CP GCT Miền Nam	Công ty CP Giống cây trồng-Vật nuôi Thừa Thiên Huế		Tổng cộng
		Giống lúa Khang dân DB (NC)	Giống lúa Thiên ưu 8 (XN1)	Giống lúa Kim cương 111 (XN1)	Giống lúa BT 7 (NC)		Giống ngô HN 68 (F1)	Giống ngô HN 88 (F1)	Giống ngô LVN 4 (F1)	Giống ngô SSC 2095 (F1)	Giống ngô MX10 (F1)	Giống ngô CP 111 (F1)	Giống ngô CP 333 (F1)	
24	Huyện Bá Thước			4	3	7		1		4			3	8
25	Huyện Quan Hóa	4			3	7	2		1	3			3	9
26	Huyện Quan Sơn	5	2			7	2		1	3			3	9
27	Huyện Mường Lát	4			3	7	2		1	3			3	9

Phụ biểu 2:

PHÂN BỐ HẠT GIỐNG RAU HỖ TRỢ THIẾT HẠC DO THIÊN TẠI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: kg.

Số TT	Đơn vị	Chủng loại và số lượng hạt giống rau do Công ty Giống Rau Quả Trung ương cấp							Tổng cộng
		Bắp cải Beauty Ball (F1)	Bí xanh sắt (XN)	Bí ngô mật (F1)	Đậu đũa cao sản số 5 (XN)	Cải bẹ Đại Bình Phô 818 (XN)	Cải bẹ mào gà (XN)	Cải mөр (XN)	
	TỔNG SỐ	40	500	460	4.000	200	800	4.000	10.000
1	Thành phố Thanh Hóa		10	10	100		20	100	240
2	Thành phố Sầm Sơn		10		100		10	100	220
3	Thị xã Bỉm Sơn		10		100		10	100	220
4	Huyện Thọ Xuân	3	30	20	200		50	200	503
5	Huyện Đông Sơn		20	20	100		20	100	260
6	Huyện Nông Cống	3	20	20	100		40	100	283
7	Huyện Triệu Sơn	3	30	20	150		40	200	443
8	Huyện Quảng Xương		20	20	200		40	150	430
9	Huyện Hà Trung	3	20	20	200		40	150	433
10	Huyện Nga Sơn	2	20	20	150		40	150	382
11	Huyện Yên Định	3	30	20	200		50	200	503
12	Huyện Thiệu Hóa	3	30	20	150		50	200	453
13	Huyện Hoằng Hóa	3	30	20	200		50	200	503
14	Huyện Hậu Lộc	3	30	20	200		50	200	503
15	Thị xã Nghi Sơn	2	20	20	150		30	150	372
16	Huyện Vĩnh Lộc	2	20	20	200		40	200	482
17	Huyện Thạch Thành		20	20	200		30	200	470
18	Huyện Cẩm Thủy	2	20	20	100		30	200	372
19	Huyện Ngọc Lặc		15	20	200		30	100	365
20	Huyện Lang Chánh		10	10	100		30	200	350
21	Huyện Như Xuân		10	10	200		30	100	350
22	Huyện Như Thanh		15	20	200		30	100	365
23	Huyện Thường Xuân	2	20	20	100		40	200	382

Số TT	Đơn vị	Chủng loại và số lượng hạt giống rau do Công ty Giống Rau Quả Trung ương cấp							Tổng cộng
		Bắp cải Beauty Ball (F1)	Bí xanh sắt (XN)	Bí ngô mật (F1)	Đậu đũa cao sản số 5 (XN)	Cải bẹ Đại Bình Phở 818 (XN)	Cải bẹ mào gà (XN)	Cải mөр (XN)	
24	Huyện Bá Thước		10	10	100	50		100	270
25	Huyện Quan Hóa	2	10	20	100	50		100	282
26	Huyện Quan Sơn	2	10	20	100	50		100	282
27	Huyện Mường Lát	2	10	20	100	50		100	282